TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST Ngày 12-02-2026 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lành Thị Vệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kiên;

Bà Hoàng Thị Hồng Nhung.

-***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vương Thị Choi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị C, sinh ngày 01/6/1992; số căn cước công dân: 020192001470; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh ngày 20/7/1990; số căn cước công dân: 020090001813; địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/8/2025, Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chu Thị C trình bày: Chị và anh Hoàng Văn B chung sống vợ chồng từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã K, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 05/9/2014. Trước khi kết hôn chị và anh Hoàng Văn B được tự do tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn, không ai ép buộc. Sau khi chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hoàng Văn B thường xuyên rượu chè, không

quan tâm gia đình, không tu trí làm ăn; không chung thủy trong quan hệ vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Văn B, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn B. Về con chung, chị và anh Hoàng Văn B có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 14/02/2017, hiện cháu Thy đang sinh sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Hoàng Văn B cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình chung sống chị và anh Hoàng Văn B có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2025, tại Công an xã T, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Anh Hoàng Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Gia đình gồm 03 thành viên: Chị Chu Thị C là vợ và con gái là Hoàng Bảo T.

Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2025, bà Bế Thị T là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn B cho biết: Anh Hoàng Văn B và chị Chu Thị C chung sống cùng nhau từ năm 2014, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn. Do vợ chồng anh Hoàng Văn B ở riêng nên bà không biết có mâu thuẫn hay không. Cách đây hơn một tháng annh B đi làm ăn xa, bà không biết cụ thể anh Hoàng Văn B đi làm ở đâu nhưng anh Hoàng Văn B vẫn thường xuyên gọi điện cho bà, việc chị Chu Thị C yêu cầu ly hôn bà không có ý kiến gì, bà đã thông báo cho anh Hoàng Văn B biết nhưng do anh Hoàng Văn B đang đi làm xa nên không thể về tham gia tố tụng được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/11/2025 với bà Hoàng Thị L, Trưởng thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn xác nhận: Chị Chu Thị C và anh Hoàng Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn nhưng hiện nay anh Hoàng Văn B không có mặt ở địa phương. Anh Hoàng Văn B có gọi điện cho chồng bà nói đang đi làm xa nhưng cụ thể làm ở đâu bà không biết. Quá trình chung sống bà không biết vợ chồng chị Chu Thị C, anh Hoàng Văn B có mâu thuẫn gì hay không, chính quyền thôn chưa tổ chức hòa giải do các bên không yêu cầu. Việc chị Chu Thị C yêu cầu ly hôn bà đề nghị giải quyết theo quy định.

Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng bị đơn anh Hoàng Văn B không có mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên toà vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát

sau khi phân tích, đánh giá nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị C, xử cho chị Chu Thị C được ly hôn với anh Hoàng Văn B. Về con chung: Đề nghị giao cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 14/02/2017 cho chị Chu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Chu Thị C không yêu cầu, anh Hoàng Văn B có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết do các bên không yêu cầu. Về án phí: Nguyên đơn được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị C vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Văn B đã được Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn B cư trú tại thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị C và anh Hoàng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 05/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Chu Thị C và anh Hoàng Văn B là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh Hoàng Văn B thường xuyên say rượu, không tu trí làm ăn, không quan tâm gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không quan tâm đến nhau, không ai có hành động gì hàn gắn tình cảm. Ngoài ra, sau khi Tòa án thụ lý vụ án anh Hoàng Văn B đã được gia tình thông báo về việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh và chị Chu Thị C nhưng anh Hoàng Văn B cũng không có thiện chí đến Tòa án để giải quyết vụ việc, phó mặc cho hậu quả xảy ra. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Chu Thị C và anh Hoàng Văn B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do

đó, yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị C là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Chu Thị C và anh Hoàng Văn B có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 14/02/2017. Hiện nay, cháu Hoàng Bảo T đang sinh sống với chị Chu Thị C. Chị Chu Thị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Hoàng Văn B cấp dưỡng nuôi con. Chị Chu Thị C lao động tự do, có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng-7.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định. Cháu Hoàng Bảo T có nguyện vọng sống cùng chị Chu Thị C. Xét thấy, chị Chu Thị C đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hiện nay anh Hoàng Văn B không có mặt tại địa phương nên việc trực tiếp chăm sóc, giáo dục con cái không thể thực hiện được. Để đảm bảo cho trẻ em phát triển toàn diện nên giao con chung là cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 14/02/2017 cho chị Chu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tiễn cuộc sống hiện tại và nguyện vọng của cháu. Anh Hoàng Văn B chưa phải cấp dưỡng nuôi con vì chị C chưa yêu cầu. Anh Hoàng Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chu Thị C trình bày không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Chu Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, tuy nhiên, chị Chu Thị C là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

[7] Xét thấy ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Chu Thị C. Xử cho chị Chu Thị C được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014, đăng ký ngày 05/9/2014 tại Ủy ban

nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nay là xã K, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 14/02/2017 cho đến khi cháu Hoàng Bảo T đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn B chưa phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Chu Thị C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị C, anh Hoàng Văn B đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- UBND xã K, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lành Thị Vệ